

Đánh giá tác động của chương trình cao đẳng sư phạm (CĐSP) mới đối với giảng viên CĐSP : / Nguyễn Thị Minh Tâm ; Nghd. : PGS.TS. Lê Đức Ngọc . - H. : Trung tâm Đảm bảo Chất lượng Đào tạo và Nghiên cứu Phát triển Giáo dục, 2008 . - 144 tr. + CD-ROM

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài
2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài
3. Giới hạn nghiên cứu của đề tài
4. Phương pháp tiếp cận nghiên cứu
5. Đối tượng nghiên cứu
6. Phạm vi khảo sát

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

- 1.1. Đặt vấn đề
- 1.2. Xu hướng đào tạo GV THCS trên Thế giới
- 1.3. Định hướng đổi mới GDTHCS và đào tạo GVTHCS ở nước ta
- 1.4. Yêu cầu trình GV THCS trình độ CĐSP
- 1.5. Định hướng đổi mới CT đào tạo GV THCS trình độ CĐSP
- 1.6. Chương trình CĐSP mới và việc triển khai ở các trường CĐSP

CHƯƠNG 2: NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI KHẢO SÁT

- 2.1. Mục đích và Nội dung xây dựng bộ phiếu khảo sát.

2.2. Triển khai khảo sát.

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Kết quả nghiên cứu và thảo luận đánh giá sự chuyển biến:

3.1. Về Nhận thức của GV

3.2. Về Chuyên môn của GV

3.3. Về Nghiệp vụ sư phạm của GV

3.4. Về Sử dụng Trang thiết bị của GV

3.5. Về Kiểm tra đánh giá của GV

3.6. Đánh giá chung về sự chuyển biến của GV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

2. Khuyến nghị

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài:

Nằm trong mục tiêu chung về chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2010 về đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, chương trình giáo dục trình độ đào tạo; phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu vừa tăng quy mô, vừa nâng cao chất lượng, hiệu quả và đổi mới phương pháp dạy - học. Trong khuôn khổ Dự án đào tạo giáo viên trung học cơ sở “Lower Secondary Teacher Training Project” – VIE 1718 đã triển khai xây dựng và thực hiện đồng bộ chương trình và giáo trình đào tạo giáo viên THCS trình độ Cao đẳng. Để góp phần đánh giá kết quả hoạt động của dự án, chúng tôi chọn đề tài: **“ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH CĐSP MỚI ĐỐI VỚI GIÁNG VIÊN ”** thông qua việc đánh giá của các giảng viên đã tham gia giảng dạy chương trình mới tại một số trường CĐSP.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài: nhằm đánh giá những tác động của dự án đào tạo giáo viên THCS đối với giảng viên thông qua thực hiện chương trình cao đẳng sư phạm mới (CĐSP).

3. Giới hạn nghiên cứu của đề tài: đánh giá tác động thông qua đánh giá của các giảng viên CĐSP ở một số trường CĐSP.

4. Phương pháp tiếp cận nghiên cứu: nghiên cứu lý luận, hỏi cứu tư liệu, điều tra xã hội học, chuyên gia, phỏng vấn sâu (sử dụng phần mềm SPSS, phiên bản 13.0 để xử lý và phân tích số liệu).

5. Đối tượng nghiên cứu: Là những người giảng viên được chọn tham gia giảng dạy chương trình CĐSP mới.

6. Phạm vi, thời gian khảo sát: các giảng viên có tham gia giảng dạy chương trình CĐSP mới. Năm 2007, 2008.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU:

1.1. Đặt vấn đề:

Do sự yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội đối với việc đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn mới. Do sự phát triển mạnh, nhanh với tốc độ mang tính bùng nổ của khoa học công nghệ thể hiện qua các lý thuyết, các thành tựu mới và khả năng ứng dụng cao, rộng và nhanh vào thực tế buộc Chương trình (CT), sách giáo khoa (SGK) phải luôn được xem xét, điều chỉnh.

Với yêu cầu và mục tiêu đã nêu Dự án đào tạo giáo viên trung học cơ sở (TTC) – VIE 1718 được thành lập theo Quyết định 494/QĐ- TTg ngày 23 tháng 5 năm 2000. Một trong số các hoạt động của TTC nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ GVTH trên cơ sở tăng cường năng lực cho các trường sư phạm đào tạo giáo viên trung học cơ sở nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình CĐSP mới

quán triệt những tư tưởng chỉ đạo trong các văn kiện: Văn kiện Đại hội IX của Đảng (4/2001); Luật Giáo dục (12/1998); Chiến lược phát triển Giáo dục giai đoạn 2001 –2010; Kế thừa những ưu điểm, khắc phục những nhược điểm trong chương trình cũ, tiếp thu các kết quả nghiên cứu.

Chương trình CĐSP mới được tiếp tục đổi mới theo 4 định hướng sau: 1. *Thiết thực và tiềm lực* ; 2. *Kiến thức và năng lực*; 3. *Phương pháp dạy và phương pháp học* và 4. *Chỉ đạo của Bộ Giáo dục & đào tạo và chủ động cơ sở*.

Chương trình CĐSP mới sẽ tích hợp nội dung để tiến đến giảm số môn học, tinh giản nội dung và tăng cường mối liên hệ giữa các nội dung, chuyển một số nội dung thành hoạt động giáo dục để góp phần giảm nhẹ gánh nặng học tập ở các cấp mà không giảm trình độ của CT. Một trong những trọng tâm của đổi mới Chương trình CĐSP mới là tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học và thực hiện học dựa vào hoạt động tích cực, chủ động của học sinh với sự tổ chức và hướng dẫn đúng mực của giáo viên nhằm phát triển tư duy độc lập, sáng tạo góp phần hình thành phương pháp và nhu cầu tự học, bồi dưỡng hứng thú học tập, tạo niềm tin và niềm vui trong học tập. Dự án TTC thực hiện đổi mới Chương trình CĐSP mới theo quá trình đổi mới từ mục tiêu, nội dung, phương pháp đến phương tiện, đánh giá kể cả việc đổi mới cách xây dựng chương trình, từ quan niệm cho đến quy trình kỹ thuật và đổi mới những hoạt động quản lý cả quá trình này. Do đó trong bản luận văn này, chúng tôi đã nghiên cứu xây dựng tiêu chí cho việc đánh giá tác động của chương trình CĐSP mới đối với giảng viên Cao đẳng sư phạm .

Tuy nhiên, việc *đánh giá tác động của chương trình CDSP mới đối với giảng viên CDSP* thì đây là đề tài mới được đề xuất và được dự án quan tâm, hỗ trợ thực hiện, vì kết quả của đề tài sẽ góp phần đánh giá kết quả triển khai của dự án VIE – 1718.

1.2. Xu hướng đào tạo giáo viên THCS trong thời đại ngày nay

Trong bối cảnh khoa học, công nghệ phát triển nhanh, hướng tới nền kinh tế tri thức, tới xã hội học tập, với những thay đổi sâu sắc trong vai trò chức năng của người GV thì công tác đào tạo giáo viên (ĐTGV) ở mỗi nước đang phải lựa chọn cách giải quyết các mối quan hệ sao cho phù hợp với tình cảnh của mình. Việc ĐT bồi dưỡng đội ngũ giảng viên SP cần được quan tâm đặc biệt.

1.3. Định hướng đổi mới GD THCS đào tạo GVTHCS ở nước ta.

Nghị định 90/CP ngày 24.11.1993; Theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI và VII; Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành trung ương Đảng khoá VII (1/1993).

1.4. Yêu cầu Đào tạo GV THCS trình độ CDSP: Mục tiêu đặt ra cho việc đào tạo GV THCS – hoàn thành chương trình ĐT CDSP mới là học viên tốt nghiệp phải có những phẩm chất và năng lực cần thiết về: **Về phẩm chất; Về nghiệp vụ.**

1.5. Định hướng đổi mới chương trình đào tạo giáo viên THCS trình độ CDSP: Định hướng 1: Thiết thực và tiềm lực; Định hướng 2: Kiến thức và năng lực; Định hướng 3: Phương pháp dạy và phương pháp học; Định hướng 4: Chỉ đạo của Bộ và chủ động của cơ sở.

1.6. Chương trình CDSP mới và việc triển khai ở các trường CDSP: Chương trình (CT) phản ánh mối quan hệ tương tác giữa các thành phần cấu trúc của quá trình đào tạo: mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, tổ chức, đánh giá, trong đó *mối quan hệ giữa mục tiêu - nội dung - phương pháp là cốt lõi*. Chương trình CDSP được xây dựng ở 3 cấp độ: 1. Chương trình khung; 2. Chương trình ngành học; 3. Chương trình môn học/ học phần như học phần phân loại thực vật không dùng cho phân môn.

CHƯƠNG 2: NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI KHẢO SÁT

2.1. Mục đích và Nội dung xây dựng bộ phiếu khảo sát: Nhằm giúp các thành viên của Dự án theo dõi quá trình triển khai thực hiện chương trình CDSP mới nhằm: chuyển biến của giảng viên nhận thức về mục tiêu, hoạt động chuyên môn theo Chương trình CDSP mới; về nghiệp vụ sư phạm theo Chương trình CDSP mới; về sở dung trang thiết bị, tài liệu; và Kiểm tra - đánh giá.

2.2. Triển khai khảo sát: Chọn lựa các phương pháp nghiên cứu phù hợp với mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ nghiên cứu. Thiết kế công cụ nghiên cứu. Trong đợt điều tra khảo sát đánh giá Chương trình, mẫu điều tra được lấy từ các trường CDSP có tham gia giảng dạy chương trình. Đối tượng điều tra là tất cả các giảng viên đã tham gia giảng dạy theo chương trình.

Tình hình chung về đối tượng điều tra:

* **Trường:** Có 55 trường Đại học, CĐSP. Ngoài ra còn Hệ thống Học Núi; Tp HCM được coi như một đơn vị. **Vùng miền:** có tất cả 8 vùng.

Số lượng phiếu điều tra thu thập được:

Stt	Trường/ Vùng miền	Số lượng
1. Đồng bằng Sông Hồng		480
1	Hệ Núi	37
2	Vĩnh Phúc	79
3	Bắc Ninh	96
4	Hệ Tây	8
5	Hải Dương	40
6	Hệ Phụng	39
7	Hưng Yên	32
8	Thị Bình	58
9	Hệ Nam	29
10	Nam Sơn	31
11	Ninh Bình	31
2. Đông Bắc		320
12	Hệ Giang	14
13	Bắc Kan	25
14	Tuyên Quang	31
15	Lưu Cai	25
16	Yên Bái	26
17	Thị Nguyên	47
18	Lưu Sơn	48
19	Quảng Ninh	28
20	Bắc Giang	44
21	Phú Thả	32
3. Tây Bắc		100
22	Sơn Biện	9
23	Sơn La	58
24	Hải Bình	33
4. Bắc Trung Bộ		146
25	Thanh Hóa	21
26	Nghệ An	44
27	Hệ Tĩnh	33
28	Quảng Trị	26

29	Thỏa Thi ^{an} Huô	22
5. Duyên hải Nam Trung Bộ		223
30	Qu ^{ing} Nam	30
31	Qu ^{ing} Ng ⁱ	26
32	B ^x nh S ^h nh	83
33	Phó Y ^{an}	76
34	Kh ^u nh H ^l a	8
6. Tây Nguyên		123
35	Kon Tum	14
36	Gia Lai	36
37	S ^{ak} Lak	32
38	L ^o m S ^{ang}	41
7. Đông Nam Bộ		224
39	Ninh Thu ^{En}	30
40	B ^x nh Thu ^{En}	15
41	B ^{inh} Ph ^u oc	22
42	T ^o y Ninh	40
43	B ^{inh} Du ^{ong}	31
44	S ^{ang} Nai	28
45	B ^u R ^h a-V ^o ng T ^u	30
46	H ^à Ch ^í Minh	28
8. Đồng bằng sông Cửu Long		304
47	Long An	11
48	B ^o n Tre	18
49	S ^{ang} Th ^u p	28
50	An Giang	43
51	K ⁱ an Giang	21
52	C ^u n Th ^u	31
53	S ^{ac} Tr ^u ng	79
54	B ^{ic} Li ^{au}	11
55	C ^u Mau	62
Hội thảo chung (Hà Nội và Tp.HCM)		114
T^{ang}		2034

* **Chức vụ:** Hiệu trưởng/Hiệu phó, Trưởng/Phó Khoa Trưởng/Ph^o phòng ban, Tổ trưởng Bộ môn, Giảng viên.

Stt	Chức vụ	Số lượng
1	Hiệu trưởng-Hiệu phó	9
2	Trưởng- Phó Khoa, Phòng Ban	221
3	Tổ trưởng-Tổ phó Bộ môn	243
4	Giảng viên	1561
	Tæng	2034

* **Khối ngành:** Mét sè khối ngành chñnh sau @@y: Khối ngành Khoa học tự nhiên (Tù nhiên, Khoa hãc c- bñn, Tin học), Khối ngành Khoa học xã hội – nhân văn (X- héi, Nh¹c Hãa TD), Khối ngành Khoa học Giáo dục (Tôm lý - Gi, o dõc, M, c-L¹nin, Tiõu hãc).

Stt	Khối ngành khoa học	Số lượng
1	Khoa học tự nhiên	872
2	Khoa học xã hội – nhân văn	738
3	Khoa học Giáo dục	424
	Tæng	2034

Ma trận phân bố các câu hỏi và năng lực người trả lời:
Item Estimates (Thresholds)

all on gv_quest (N =2034 L = 60 Probability Level= .50)

4.0		57.4
		53.4
		54.4
3.0		62.4
		58.4
		55.4
		55.4
	X	55.5
		43.4
		24.5
	X	59.4
	X	26.5
	X	48.2
		23.5
	X	52.2
	X	32.5
	X	35.5
2.0		14.5
	XX	21.5
	X	28.5
	XXX	34.5
		15.5
		22.5
		49.2
	XX	7.5
	XXXX	29.5
	XXXX	45.2
	XXXX	12.5
	XXXX	11.5
	XXXX	17.5
	XXXX	18.5
	XXXX	11.5
	XXXX	16.5
	XXXX	24.4
	XXXX	9.5
	XXXX	19.5
	XXXX	25.4
	XXXX	33.5
	XXXX	5.5
	XXXX	9.5
	XXXX	43.3
	XXXX	64.4
1.0	XXXX	29.4
	XXXX	42.5
	XXXX	32.4
	XXXX	35.4
	XXXX	37.5
	XXXX	38.5
	XXXX	6.5
	XXXX	28.4
	XXXX	39.4
	XXXX	36.5
	XXXX	25.4
	XXXX	27.4
	XXXX	31.4
	XXXX	34.4
	XXXX	41.5
	XXXX	47.2
	XXXX	51.2
	XXXX	14.4
	XXXX	49.5
	XXXX	21.4
	XXXX	24.3
	XXXX	23.4
	XXXX	29.3
	XXXX	39.5
	XXXX	13.4
	XXXX	22.4
	XXXX	25.3
	XXXX	30.3
	XXXX	32.3
	XXXX	44.3
	XXXX	53.3
	XXXX	25.3
	XXXX	34.3
	XXXX	62.3
	XXXX	28.3
	XXXX	33.4
	XXXX	21.3
	XXXX	44.2
	XXXX	54.3
	XXXX	2.4
	XXXX	12.4
	XXXX	13.4
	XXXX	15.4
	XXXX	19.2
	XXXX	57.3
	XXXX	12.4
	XXXX	17.4
	XXXX	37.3
	XXXX	7.4
	XXXX	29.4
	XXXX	24.2
	XXXX	38.2
	XXXX	36.4
	XXXX	4.4
	XXXX	18.4
	XXXX	31.4
	XXXX	34.2
	XXXX	42.4
	XXXX	55.3
	XXXX	56.3
	XXXX	60.3

	XXX	5.4	9.4	27.4					
	XXX	2.4	6.4	21.3	32.2	38.4	40.4		
	XXX	23.1	56.3						
	X	1.4	22.3	28.2	31.2	41.4			
	X	23.3	42.3						
	X	15.3	39.4						
-1.0	X	35.3	45.3						
	X	14.2	25.2	27.2					
		41.3							
		4.3	18.3	19.3	21.2	26.2	37.3	40.3	
		32.2	36.2						
	X	7.3	12.3	17.3	38.3				
		3.3	16.3	39.3					
		5.3	8.3	11.3	13.3	20.3	22.2		
		9.3	21.2	37.2	42.2				
		4.2	6.3	15.3					
		1.3							
		30.2	40.2						
-2.0		2.2	15.2	19.2	41.2				
		3.2	20.2						
		5.2	17.2						
		9.2	22.2						
		7.2	16.2	20.2					
		6.2	26.2						
		2.2	10.2						
		13.2							
		6.2	11.2						
		7.2							
		53.2							
		57.2							
-3.0		60.2							
		58.2							
-4.0		54.2	55.2	56.2	59.2				

Each X represents 5 students

Căn cứ vào các thông tin thu được và nhìn trên bảng phân bố các câu hỏi và năng lực người trả lời, nghiên cứu cho thấy nhóm câu hỏi này có Mean và SD đáp ứng đủ điều kiện cần thiết cho việc thiết lập mô hình theo như lý thuyết mô hình Rasch. Do đó, có thể kết luận rằng **dữ liệu hoàn toàn phù hợp với mô hình Rasch**. Từ ma trận phân bố các câu hỏi và năng lực người trả lời cho thấy:

Giảng viên có xu hướng đánh giá cao năng lực tư vấn, thiết kế và tổ chức thực hiện kế hoạch, giám sát đánh giá kết quả hoạt động.

Kiểm tra mức độ phù hợp của các câu hỏi (item): GV_Quest

```

Item Fit
all on gv_quest (N =3234 I = 60 Probability Level = .50)
=====
MEAS  .83  .87  .73  .77  .83  .91  1.00  1.10  1.20  1.30  1.40
-----
1 I item 1      .
2 I item 2      .
3 I item 3      .
4 I item 4      .
5 I item 5      .
6 I item 6      .
7 I item 7      .
8 I item 8      .
9 I item 9      .
10 I item 10     .
11 I item 11     .
12 I item 12     .
13 I item 13     .
14 I item 14     .
15 I item 15     .
16 I item 16     .
17 I item 17     .
18 I item 18     .
19 I item 19     .
20 I item 20     .
21 I item 21     .
22 I item 22     .
23 I item 23     .
24 I item 24     .
25 I item 25     .
26 I item 26     .
27 I item 27     .
28 I item 28     .
29 I item 29     .
30 I item 30     .
31 I item 31     .
32 I item 32     .
33 I item 33     .
34 I item 34     .
35 I item 35     .
36 I item 36     .
37 I item 37     .
38 I item 38     .
39 I item 39     .
40 I item 40     .
41 I item 41     .
42 I item 42     .
43 I item 43     .
44 I item 44     .
45 I item 45     .
46 I item 46     .
47 I item 47     .
48 I item 48     .
49 I item 49     .
50 I item 50     .
51 I item 51     .
52 I item 52     .
53 I item 53     .
54 I item 54     .
55 I item 55     .
56 I item 56     .
57 I item 57     .
58 I item 58     .
59 I item 59     .
60 I item 60     .

```

Khi kiểm tra mức độ phù hợp của các câu hỏi (items), kết quả thu được trong file **GV_Quest** cũng cung cấp thông tin để kiểm tra mức độ phù hợp của các câu hỏi thông qua bảng dưới đây:

Phân tích bộ 60 câu hỏi đều có tính INFIT MNSQ ở trong khoảng (0.77 – 1.30) do đó chúng đã tạo thành một cấu trúc đo. Biểu đồ trên thể hiện mức độ phù hợp của các câu hỏi ngoại trừ câu 20, câu 24, câu 25, câu 44 nằm ngoài cấu trúc đo (0.77 – 1.30) do thiết kế những câu hỏi (20,24,25,44) khó đưa ra được câu trả lời tốt đối với người được hỏi. Trong bảng thu thập thông tin, các câu trên là những thông tin về:

Câu 20, 24, 25: ĐÁNH GIÁ SỰ CHUYỂN BIẾN VỀ NGHIỆP VỤ

Trong hoạt động đào tạo về nghiệp vụ sư phạm theo CT CĐSP mới, Thçy/C« ®· ®,p øng từng mục dưới đây ở mức độ nào? (**1 lự ®,p øng thấp nhất – 5 lự ®,p øng cao nhất**).

Câu	Hoạt động đào tạo về nghiệp vụ sư phạm:	1	2	3	4	5
20	C, ch tiếp cãn tích cùc ho, ho1t ®éng hãc	☐	☐	☐	☐	☐
24	Theo c, ch tiếp cãn gi, o vi^n lự trung tøm	☐	☐	☐	☐	☐
25	Phương pháp thuyết trình	☐	☐	☐	☐	☐

Câu 44: ®, nh gi, chung

Thầy / Cô, đã được bồi dưỡng để d1y tích hìp chuy^n m«n vớ
nghiệp vô ề mœc ®é nư? ☐ Chưa được bồi dưỡng

☐ Tương đối đầy đủ

☐ Sçy ®ñ

□ RÊt ®çy ®ñ

Đây là những câu hỏi mà nghiên cứu xác định là có liên quan đến quá trình đánh giá tác động của chương trình CĐSP đến giảng viên và vấn đề chính là đánh giá sự chuyển biến về nghiệp vụ của giảng viên, nhưng kết quả phân tích từ mô hình Rasch lại không cho thấy sự liên kết. Thực chất những thông tin này không phải là không đóng vai trò quan trọng tạo để đánh giá Giảng viên sư phạm; Nhưng rất có thể theo Giảng viên hoặc những người tham gia trả lời phiếu thì những phần đánh giá này có thể thông tin này không quan trọng đối với việc đánh giá đội ngũ Giảng viên của họ hay vì người trả lời không muốn đề cập sâu đến việc đánh giá nghiệp vụ này. Các thông tin trên thu được theo mô hình phân tích có độ tin cậy kém hơn so với những câu hỏi khác - nằm ngoài khoảng cho phép theo phân tích mô hình Rasch nhưng những câu hỏi (20,24,24,44) vẫn đảm bảo thu thập một số thông tin cho phần đánh giá Giảng viên nên sẽ không ảnh hưởng nhiều cho việc phân tích để tạo thành một nhóm/miền đo xác định. Điều này có nghĩa là các câu hỏi được sử dụng trong đợt khảo sát này đã đo được đúng điều cần đo, các thông tin về đánh giá giảng viên theo chương trình CĐSP mới là hoàn toàn có thể tin cậy được.

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Chương trình đào tạo giáo viên THCS trình độ Cao đẳng được ban hành theo Quyết định số 15 ngày 11 tháng 6 năm 2004 (gọi tắt là chương trình 2004) của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được các trường CĐSP triển khai áp dụng từ năm học 2004- 2005. So với những lần đổi mới chương trình trước đây (1980, 1988 và 1996) thì chương trình 2004 sâu rộng và triệt để hơn, điều này đã nói lên thành

công bước đầu của chương trình CĐSP mới. Chương trình 2004 với tư duy xây dựng mới trên cơ sở bám sát vào mục tiêu đổi mới giáo dục đã đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên THCS. Chính vì vậy chương trình CĐSP mới 2004 đã tác động một cách sâu sắc đến toàn bộ hoạt động đào tạo của các trường CĐSP nói chung và từng giảng viên nói riêng. Phân tích kết quả đánh giá sự chuyển biến của giảng viên thông qua thực hiện chương trình CĐSP mới cho thấy:

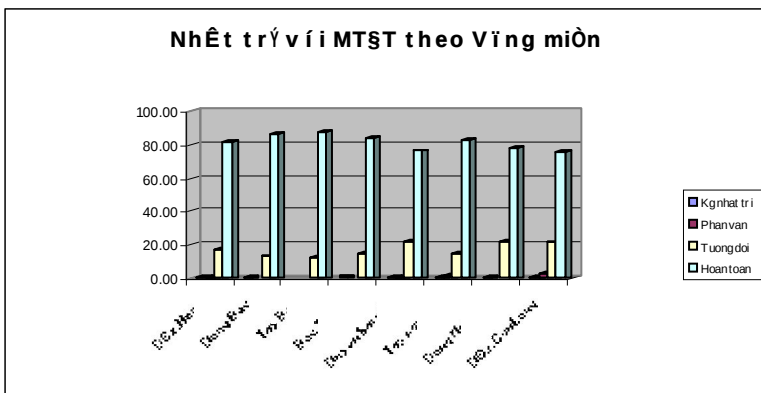
3.1. Về nhận thức của Giảng viên:

Chương trình CĐSP 2004 đã khắc phục và đổi mới được, xuất phát từ quan điểm dạy học là dạy tư duy, phát triển năng lực cá nhân, dạy cách học là chính. Giảng viên nhất trí với định hướng “Chuyển từ mục tiêu kiểm thức lý thuyết, năng lực thụ động của học sinh”. Nhận thức trên đã đưa đến một nhận thức khác có tính logic đó là việc xây dựng chương trình chi tiết có chất lượng cao, giảng viên nhất trí với “Mục tiêu lý thuyết và phát triển năng lực của người thầy giáo tương lai trên cơ sở một nền tảng kiến thức, kỹ năng cần thiết và vững chắc”. Nhận thức này làm cho người dạy cũng như các nhà quản lý chuyên môn luôn có ý thức hoàn thiện và giảng viên cũng nhất trí với “Mục tiêu chủ yếu và thiết thực của Chương trình là sinh viên tốt nghiệp dạy được, tiến tới dạy tốt chương trình và chuyên ngành khoa THCS mới”.

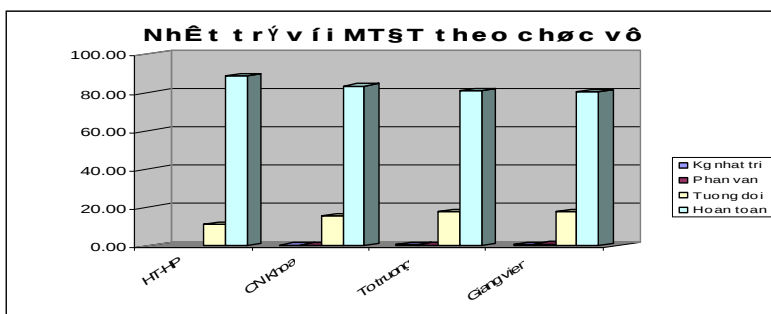
3.1.1. Mục tiêu lý thuyết và phát triển năng lực của người thầy giáo tương lai trên cơ sở nền tảng kiến thức, kỹ năng cần thiết và vững chắc được thể hiện qua sự nhất trí:

Sự nhất trí với Mục tiêu đào tạo theo vùng địa lý (%) cho thấy tỷ lệ “hoàn toàn nhất trí” cao ở các Tây Bắc, Đông Bắc, còn tỷ lệ thấp ở Đồng Bằng sông Cửu Long, Duyên hải nam Trung Bộ. Theo đánh giá chung định hướng đào tạo và mục đích đào tạo của các tỉnh và trường có thể giống nhau nhưng đặc điểm địa lý và nhận thức khác nhau có thể dẫn tới việc thực hiện khác nhau. Do đó dẫn đến tình trạng trên.

Biểu 3.1.1.1 - Nhất trí với mục tiêu đào tạo theo vùng miền

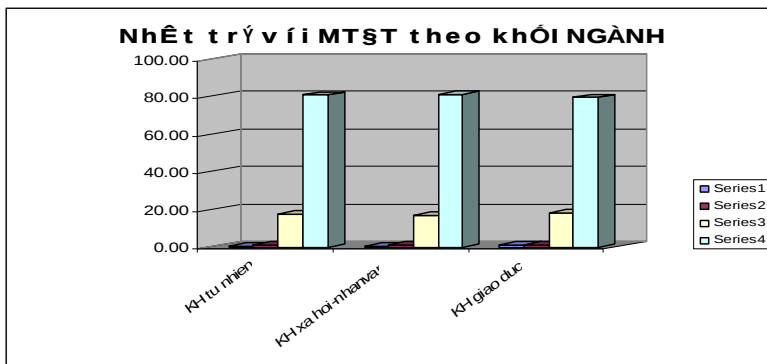


Biểu 3.1.1.2 - Nhật trí với mục tiêu đào tạo theo chức vụ: Do cùng nhật trí, cùng thống nhất với Mục tiêu @mộ t 1o theo chức vụ (%) của trường đề ra mà từ đó "họn toạ n nhật trí" ở c, c chức vụ lự tương đối giống nhau.



Biểu 3.1.1.3 - Nhật trí với mục tiêu đào tạo theo Khối ngành: Đối với Mục tiêu @mộ t 1o hình thành và phát triển các năng lực của người thầy giáo dựa trên cơ sở nền tảng kiến thức, kỹ năng cần thiết và vững chắc theo c, c khối ngành (%) cho thấy từ đó "họn toạ n nhật trí" ở khối ngành KH tự nhiên và KH xã hội-nhân văn

cao là do đáp ứng được mục tiêu đào tạo tốt còn từ lỗi "họm to mún nhệt trỉ" ề c, c khối ngành khoa KH giáo dục là thấp so với 2 khối ngành (tự nhiên và xã hội-nhân văn).



3.2. Về chuyên môn của Giảng viên:

Đánh giá tác động của Chương trình đến đội ngũ giảng viên về mặt chuyên môn, chúng ta thấy những định hướng mới trong cách xây dựng chương trình cũng với những quan niệm mới về dạy học dẫn đến hoạt động của người thầy cũng có những thay đổi rất cơ bản. Bản thân chương trình và những quan niệm mới về dạy học đã tạo ra những tiền đề buộc người dạy không thể đi theo lối mòn hay sử dụng những phương pháp lạc hậu kém hiệu quả mà phải tự mình tìm tòi vươn lên đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng để chuyển tải kiến thức đến cho người học. Vì vậy mà khi thực hiện chương trình CĐSP mới Giảng viên đã đáp ứng được:

Nội dung bài học tính cấp thiết với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật; phù hợp với trình độ sinh viên CĐSP; phù hợp với Chương trình THCS mới; phù hợp với Sinh viên, khoa THCS mới; phù hợp với Phương pháp dạy học THCS mới; phù hợp với Phương pháp Kiểm tra - Đánh giá, THCS mới; đáp ứng được nội dung tích hợp Chuyên môn

với Nghiệp vụ; Chương trình CĐSP mới Giảng viên đã "Hướng dẫn Sinh viên nghiên cứu khoa học; Semina, hắc nhĩ; Tăng giờ tự học; Thúc hiễn @ai mĩi bụi thúc hũnh, thúc tĩp".

3.3. Về nghiệp vụ của giảng viên:

Năng lực về nghiệp vụ tức là khả năng tư vấn cho người học, cung cấp kiến thức cho người học (tức là năng lực chuyên môn). Trong hoạt động đào tạo về Nghiệp vụ sư phạm theo Chương trình CĐSP:

Giảng viên @ theo c, ch tiếp cĩn "Gĩi mẽ kh, m ph, , Ph, t hiĩn vụ giải quyết vấn đề, Lấy người học làm trung tâm ". Khi thực hiện Chương trình CĐSP mới Giảng viên đã hướng dẫn thảo luận nhóm, theo c, ch tiếp cĩn tích cức hĩa hoĩt @ĩng hĩc; Giĩng dĩy dũa trªn Dù ỏn; Giỏng dạy dựa trªn nhu cầu của người học; Tiếp cĩn xoy dùng môi trường học tập; Theo cách tiếp cận Giáo viên là trung tâm; Phương ph, p thuyết trũnh; Giảng viên đã thực hiện được "Mở rộng hoĩt @ĩng cĩng @ĩng"; Tũ chĩc hoĩt @ĩng ngoĩi khĩa" GV @ tũ chĩc hoĩt @ĩng ngoĩi khĩa theo vĩng @ũa lý.

3.4. Về sử dụng trang thiết bị của giảng viên:

Để đáp ứng được mục tiêu về đổi mới phương pháp người thầy phải tăng cường năng lực sử dụng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học, đổi mới phương pháp thuyết trình. Sự đa dạng các hình thức soạn giáo án, đa dạng hình thức tổ chức dạy học. Do vậy, khi thúc hiễn Chương trình CĐSP mới Giảng viên phải sở dũng được.

3.5. Về kiểm tra đánh giá của giảng viên:

Bất kỳ một quá trình giáo dục nào mà một con người tham gia cũng nhằm tạo ra những biến đổi nhất định trong con người đó. Muốn biết những biến đổi đó xảy ra ở mức độ nào phải đánh giá hành vi của

người đó trong một tình huống nhất định. Việc đánh giá cho phép chúng ta xác định, một là mục tiêu giáo dục được đặt ra có phù hợp hay không và có đạt được hay không, hai là việc giảng dạy có thành công hay không, học viên có tiến bộ hay không. Do vậy, trong lĩnh vực Kiểm tra – Đánh giá theo Chương trình mới, Giảng viên đã:

Thông báo cho SV phương pháp đánh giá môn học; Đã giao cho học viên làm c, c bùi kióm tra kh«ng ®ßi hái ph¶i thuéc lßng; Sö dông c, c h×nh thøc Kióm tra §, nh gi, kh, c nhau; Kt qu¶ ®, nh gi, c«ng b»ng vµ kh, ch quan; Khi thực hiện Chương trình CDSP mới "Đã có phần hải kt qu¶ ®, nh gi, cho SV".

3.6. Đánh giá chung về sự chuyển biến của Giảng viên:

Chương trình CDSP mới (chương trình CDSP 2004) được xây dựng với mục tiêu nhằm nâng cao chất lượng của đội ngũ giáo viên THCS của toàn ngành từ đó nâng cao chất lượng giáo dục THCS, như vậy cũng có nghĩa là toàn thể đội ngũ giáo viên THCS cần phải có sự thâm nhập chương trình cả phần lý luận chung cho đến kiến thức chuyên môn của từng ngành cụ thể. Nhìn chung, chương trình mới đã quán triệt các định hướng và về cơ bản, đã đáp ứng các yêu cầu được nêu trong Nghị Quyết của Quốc hội về đổi mới giáo dục phổ thông. Khi thực hiện chương trình CDSP 2004 giảng viên đã thực hiện được:

Bồi dưỡng để dạy tích hợp Chuyên môn với Nghề nghiệp; Tham gia gặp ý ® ®iu chñnh kp thêi nh÷ng bt cp trong qu, tr×nh thùc hin Chương trình CDSP mới; Điều chỉnh nội dung; Tham gia điều chỉnh vở Cấu trúc; Giảng viên ®· gặp phÇn lµm cho CT: "Ph hp víi Chương trình THCS"; "Ph hp víi §, ch gi, o khoa THCS"; "Ph hp víi Phương pháp Dạy - Học"; "Ph hp víi Phương pháp Kiểm

tra - S, nh gi, THCS"; Ngoài ra Giảng viên @. gặp phçn vµo viçc hình thành ở người Sinh viên "Năng lực chẩn đoán nhu cầu và đặc điểm đối tượng giáo dục"; "Năng lực tư vấn cho học sinh tự thiết kế kế hoạch hãc tãp phĩ hĩp vĩi nhu cõu, khĩ nĩng vµ hµm cĩnh cũa mĩnh"; "Nĩng lùc thiĩt kĩ vµ tã chõc thùc hiĩn kĩ hoĩch gi, o dõc, đặc biệt là đổi mới phương pháp dạy học"; "Năng lực giám sát đánh gi, kết quĩ hoĩt @éng gi, o dõc"; "Nĩng lùc giĩi quyĩt nh-ng vĩn @o nĩy sinh trong thùc tiĩn gi, o dõc"

Ngoài việc đánh giá sự chuyển biến và phân tích tác động đối với Giảng viên khi tham gia chương trình CDSP 2004 về nhận thức, chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, sử dụng trang thiết bị và kiểm tra đánh giá, Giảng viên tham gia chương trình CDSP 2004 còn cho biết một số ý kiến khác, như: chung về tác động của Dự án Hợp tác Giáo dục THCS thông qua thực hiện Chương trình CDSP mới: “Giảng viên THCS không chỉ được đào tạo ở trình độ CDSP mà đã có một bộ phận được đào tạo ở trình độ ĐHSP, sau Đại học. Các trường CDSP cũng đã trở thành trường SP đa hệ đa cấp chứ không chỉ đào tạo trình độ CDSP. Do đó, sẽ hợp lý nếu dùng” chương trình DTGV THCS trình độ CDSP”.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận: Đánh giá tác động của dự án đào tạo giáo viên THCS đối với giảng viên thông qua thực hiện chương trình CĐSP mới. Những vấn đề chính rút ra từ kết quả phân tích:

- 1.1 Chương trình và giáo trình đã đáp ứng được mục tiêu
 ①mục tiêu là mục đích lý tưởng nội dung và cấu trúc.
 Chương trình và giáo trình đã tập trung vào việc hình

thành ở người sinh viên các năng lực cơ bản của người giáo viên THCS.

- 1.2 Chương trình, giáo trình ở một mức độ nào đó đã phù hợp với đối tượng người học là sinh viên CĐSP. Chương trình, giáo trình, sách giáo khoa mới có phù hợp với nội dung phương pháp trung học cơ sở.
- 1.3 GV đã quán triệt được quan điểm dạy học là dạy cách học, chú trọng dạy năng lực tư duy hơn việc giảng dạy kiến thức đơn thuần. Do đó giáo viên các trường đã bước đầu cải tiến PPDH, sử dụng phương tiện hiện đại trong công tác giảng dạy, đồng thời cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá, kết quả học tập của sinh viên. Tuy nhiên, việc sử dụng các phương tiện tiên tiến trong dạy học và đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá chưa thực sự mạnh mẽ do còn nhiều khó khăn: khó khăn về chính sách, cơ chế chưa đổi mới, về phân bố tài chính.
- 1.4 Các trường thí điểm trong năm qua đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện chương trình đào tạo mới. Có nhiều trường đã chủ động triển khai các hội nghị đóng góp ý kiến điều chỉnh chương trình, giáo trình trong tổng hợp kế. Tuy nhiên điều kiện ở giáo viên giảng dạy chương trình một cách hiệu quả như: báo cáo về việc đổi mới chương trình, tạo điều kiện cho giáo viên sử dụng trang thiết bị dạy học, tạo cơ hội tham quan học tập kinh nghiệm giảng dạy giữa các trường.

2. Một số khuyến nghị:

➤ Về chính sách

- Cần cần có chỗ để học ở các cơ sở sẽ tạo nên ảnh hưởng cả quyền quyết định trong việc thực hiện chương trình cũng như kiểm tra, đánh giá.
- Cần cần quy định, chính sách để khuyến khích các sinh viên giỏi.

➤ Đối với cán bộ thực hiện chương trình

- Cần cần cho các sinh viên được tiếp xúc với các môn học, nghiên cứu nắm vững chương trình mới.
- Tổ chức nhiều hội thảo để trao đổi, đánh giá chương trình theo chuyên ngành.
- Cần tăng cường mở các lớp tập huấn, sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại cho sinh viên.
- Tạo điều kiện cho các sinh viên cần tham gia các hoạt động, các phương pháp dạy học mới.

➤ Đối với người được hưởng lợi từ chương trình

- Cần cần cho SV nhanh chóng làm quen với phương pháp học mới ở CĐSP, coi trọng việc học tập, nắm vững kiến thức, coi dạy phương pháp học là một mục tiêu dạy học.
- Cần cần phối hợp các ngành để tạo nên môi trường học tập. Một số trường như CĐSP Huế, Lạng Sơn, Thái Nguyên có nhiều học sinh tốt nghiệp nhưng không có việc làm, việc đơn giản ít tiếp xúc các phương tiện hiện đại, khả năng tiếp thu yếu, nên cần cần tăng cường các hoạt động, các kiến thức cho họ.

➤ Về chương trình

Chương trình mới hiện đại, phù hợp với chương trình và SGK THCS ,
giúp sinh viên phát triển những năng lực cần thiết của người GV.
Chương trình mới nói chung hay, dễ tiếp thu, nâng cao kiến thức cho
sinh viên, cả tính khoa học, phù hợp với nhu cầu xã hội, truyền tải
thông tin, dễ hiểu. Tuy nhiên cần khắc phục một số điểm yếu sau
đây:

- Cần giảm khối lượng kiến thức của một số chương trình môn học.
- Kiện thức của một vài môn chuyên ngành cần sâu sắc hơn, cần tăng thời gian cho các môn chuyên ngành, giảm thời gian môn cơ sở.
- Cần phân bổ thời gian hợp lý hơn, thời gian học lý thuyết trên lớp quá nhiều, ít thời gian tự học. Cần tăng thời gian thực hành, tăng ngoại khóa, giảm thời lượng ở các môn học chung.
- Cần tăng cường thêm những môn học mang tính nghiệp vụ như: Tập giảng, tập viết bảng nên dành khối lượng nhiều hơn thời gian luyện tập kỹ năng.
- Cần có tiết hướng dẫn cho sinh viên sử dụng các phương tiện hiện đại.

➤ Vở ghi, o tr×nh

Giữa trận mưa rừng bão, đông đúc, rừng, gió hừng thối, nhiều
hình ảnh trực quan sinh động. Tuy nhiên cần khắc phục một số
yếu sau đây:

- Cột cũ ®ñ vụ kíp thêi gi, o trñnh mớì, tr, nh tñnh tr¹ng sinh vi¹n phñi dñng gi, o trñnh ph« t«. .
- C¹n sủa nhñng thng tin ch¹a thng nh¹t gi÷a ch¹ng trnh v¹ gi, o trñnh.

- Cần sửa một số nội dung chưa thống nhất giữa giáo trình CĐSP và SGK THCS.
- Cần giảm thời gian trình bày chung kiến thức cơ bản.
- Cần rút gọn giáo trình các môn đại cương quá dài, có nhiều thuật ngữ khó hiểu.
- Nên cả tham nhiều ví dụ cụ thể, nên viết ngắn gọn, dễ hiểu hơn, trình bày ví dụ cô đọng, tranh minh họa.
- Cần sửa lỗi chính tả.
- Môn Rèn luyện nghiệp vụ SP cần đưa nhiều tình huống sư phạm.

➤ Phương pháp dạy và Phương pháp học

- Cần phải coi trọng công việc của đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức, coi dạy phương pháp học là một mục tiêu dạy học chứ không phải chỉ là một nội dung học cao siêu quá mức độ cần thiết của chương trình.
- Khuyến khích GV sử dụng các phương pháp dạy học tích cực.
- Tạo cơ hội cho sinh viên tham gia vào quá trình học tập của các trường.
- Cần giảm bớt thời gian cho SV tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của GV.

➤ Phương tiện dạy học

- Cần cung cấp đủ và kịp thời thiết bị dạy học. Các trường CĐSP cần có những thiết bị tương ứng như ở trường THPT.
- Cần trang bị phòng học và phòng thí nghiệm.
- Cần có những lớp bồi dưỡng bổ sung và cập nhật kiến thức và kỹ năng cho GV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC 1: Phiếu điều tra khảo sát

PHỤ LỤC 2: Bảng biểu và số liệu